

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo 423 /BC-TCKH ngày 01/10/2024 của Phòng Tài chính - KH huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Ước TH 9 tháng năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	646.073	447.602	69,3%	131,6%
I	Thu cân đối NSNN	59.700	40.714	68,2%	136,0%
1	Thu nội địa	59.700	40.714	68,2%	136,0%
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	38.908	38.908		46,9%
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	547.465	367.980	67,2%	163,5%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	646.073	345.710	53,5%	116,1%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	556.886	322.406	57,9%	118,0%
1	Chi đầu tư phát triển	75.408	37.863	50,2%	98,0%
2	Chi thường xuyên	450.713	284.543	63,1%	121,3%
3	Dự phòng ngân sách	9.014		0,0%	
4	Nguồn chênh lệch tăng thu giữa dự toán dự toán huyện và tỉnh	500		0,0%	
5	Nguồn chuyển nguồn năm 2023	21.251		0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	89.187	23.304	26,1%	210,0%
III	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		-		0,0%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo 423 /BC-TCKH ngày 01/10/2024 của Phòng Tài chính - KH huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Ước TH 9 tháng năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	68.200	43.973	64,5%	132,1%
I	Thu nội địa	68.200	43.973	64,5%	132,1%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	21.000	24.283	115,6%	169,7%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.800	1.513	84,1%	86,7%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	3.850	3.411	88,6%	87,4%
7	Thu phí, lệ phí	1.700	2.136	125,6%	134,6%
8	Các khoản thu về nhà, đất	36.500	9.909	27,1%	97,3%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		14		
-	Thu tiền sử dụng đất	35.000	8.465	24,2%	84,7%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.500	1.430	95,3%	756,6%
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	3.200	2.671	83,5%	170,8%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	150	50	33,3%	
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	59.700	40.714	68,2%	136,0%
1	Từ các khoản thu phân chia	28.000	6.772	24,2%	84,7%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	31.700	33.942	107,1%	154,7%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo 423 /BC-TCKH ngày 01/10/2024 của Phòng Tài chính - KH huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Ước TH 9 tháng năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	646.073	345.710	53,5%	116,1%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	556.886	322.406	57,9%	118,0%
I	Chi đầu tư phát triển	75.408	37.863	50,2%	98,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	75.408	37.863	50,2%	98,0%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	450.713	284.543	63,1%	121,3%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	232.484	145.702	62,7%	100,0%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình				
4	Chi văn hóa thông tin	3.852	1.487	38,6%	100,0%
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.746	1.422	51,8%	100,0%
6	Chi thể dục thể thao	630	353	56,0%	100,0%
7	Chi bảo vệ môi trường	3.000	2.114	70,5%	
8	Chi hoạt động kinh tế	51.431	12.275	23,9%	100,0%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	31.892	21.100	66,2%	100,0%
10	Chi bảo đảm xã hội	22.400	9.801	43,8%	100,0%
11	Chi Ngân sách cấp xã	44.629	28.938	64,8%	100,0%
12	Chi khác ngân sách	2.033	1.703	83,8%	100,0%
III	Dự phòng ngân sách	9.014	-	0,0%	
IV	Tăng thu Ngân sách (Không kể tiền sử dụng đất)	500	-	0,0%	
V	Nguồn chuyển nguồn năm 2023	21.251	-	0,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	89.187	23.304	26,1%	210,0%
C	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-	0,0%	